

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/KLP/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

1. Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI KIM LỘC PHÁT
2. Địa chỉ: Thôn Ngãi Cầu, Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
3. Điện thoại: 0915943221 Fax:
4. E-mail: kimlocphat888@gmail.com
5. Mã số doanh nghiệp: 0111222690
6. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: ISO 22000:2018: Số: HA 778; Mã số: 778-25-01/00 cho CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI KIM LỘC PHÁT. Ngày cấp 08/12/2025 Nơi cấp: Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam - Viện nghiên cứu phát triển tiêu chuẩn chất lượng.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Thực phẩm bổ sung DES CANCI**

2. Thành phần:

Calcium lactate gluconate 350mg (tương đương calci 43.75mg calci), Inulin 100mg; Chất bảo quản (Kali sorbate; 2Na EDTA(Dinatri ethylendiamintetraacetat)); chất điều chỉnh acid (acid lactic); chất tạo ngọt (Saccharin, đường kính); hương cam, hương dứa, hương hoa quả tổng hợp , nước vừa đủ 10 ml

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 36 tháng kể từ ngày sản xuất
- Lô sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng trong ống/gói PP/PVC/PET/HDPE/ chai nhựa/chai thủy tinh, sau đó đựng trong hộp giấy kín đảm bảo yêu cầu an toàn thực phẩm theo Quy định hiện hành của Bộ Y tế

-Quy cách đóng gói:

+Thể tích ống/gói : 10ml/ ($\pm 7,5\%$). Hộp: 10 ống/gói, 15 ống/gói, 20 ống/gói, 30 ống/gói

+Thể tích chai/ lọ: 100ml, 120ml, 125ml . Hộp 1 chai/ lọ

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

- Xuất xứ: Việt Nam

Nhà sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI KIM LỘC PHÁT

Địa chỉ sản xuất: Thôn Ngãi Cầu, Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, cụ thể:

1. Tên sản phẩm thực phẩm: **Thực phẩm bổ sung DES CANCI**

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI KIM LỘC PHÁT**

Địa chỉ: Thôn Ngãi Cầu, Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

3. Sản xuất tại: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI KIM LỘC PHÁT**

Địa chỉ: Thôn Ngãi Cầu, Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

4. Xuất xứ hàng hóa: Việt Nam

5. Thể tích thực:.....ml $\pm 7,5\%$.

6. Ngày sản xuất: in trên bao bì sản phẩm

7. Hạn sử dụng: in trên bao bì sản phẩm

8. Thành phần hoặc thành phần định lượng:

Calcium lactate gluconate 350mg (tương đương calci 43.75mg calci), Inulin 100mg; Chất bảo quản (Kali sorbate; 2Na EDTA(Dinatri ethylendiamintetraacetat)); chất điều chỉnh acid (acid lactic); chất tạo ngọt (Saccharin, đường kính); hương cam, hương dứa, hương hoa quả tổng hợp , nước vừa đủ 10 ml.



9. Thông tin về giá trị dinh dưỡng

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị dinh dưỡng trung bình có trong 100ml sản phẩm
1	Năng lượng kcal
2	Carbohydratg
3	Chất đạmg
4	Chất béog
5	Hàm lượng đườngg
6	Natrimg

10. Thông tin, cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm đã hết hạn hoặc có mùi lạ

Lưu ý: Không dùng cho người mẫn cảm, kiêng kỵ với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm

11. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:

Uống trực tiếp, sử dụng cho người lớn và trẻ em có nhu cầu bổ sung canxi cho cơ thể.

Trẻ em dưới 13 tuổi dùng 1-2 ống/ngày. Trẻ trên 13 tuổi và người lớn dùng 2-3 ống/ngày

- Hướng dẫn bảo quản: Để nơi khô mát, tránh ánh sáng trực tiếp, nhiệt độ dưới 30 độ C, để xa tầm tay của trẻ em

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất Số: 04/2026/TCSP-KLP

- QCVN 3-4:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các chất được sử dụng để bổ sung calci vào thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Dương

NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN



Thực phẩm bổ sung

DES CANCI

Hộp... ml

Thực phẩm bổ sung

DES CANCI

Thành phần: Calcium lactate gluconate 350mg (tương đương calci 43.75mg calci), Inulin 100mg; Chất bảo quản (Kali sorbate; 2Na EDTA(Dinatri ethylendiamintetraacetat)); chất điều chỉnh acid (acid lactic); chất tạo ngọt (Saccharin, đường kính); hương cam, hương dứa, hương hoa quả tổng hợp , nước vừa đủ 10 ml

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị dinh dưỡng trung bình có trong 100g sản phẩm
1	Năng lượng	
2	Carbohydrat	
3	Chất đạm	
4	Béo tổng	
5	Hàm lượng đường	
6	Natri	

Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp, sử dụng cho người lớn và trẻ em có nhu cầu bổ sung canxi cho cơ thể. Trẻ em dưới 13 tuổi dùng 1-2 ống/ngày. Trẻ trên 13 tuổi và người lớn dùng 2-3 ống/ngày

Lưu ý: Không dùng cho người mẫn cảm, kiêng kỵ với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm

Thông tin, cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm đã hết hạn hoặc có mùi lạ.

Hướng dẫn bảo quản: Để nơi khô mát, tránh ánh sáng trực tiếp, nhiệt độ dưới 30 độ C, để xa tầm tay của trẻ em.

Số TCB: TCCS:.....

Lô:..... NSX:..... HSD:.....

Thể tích thực:.....ml $\pm 7,5\%$.

Xuất xứ: Việt Nam

Sản xuất tại: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI KIM LỘC PHÁT**

Địa chỉ: Thôn Ngãi Cầu, Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI KIM LỘC PHÁT

Địa chỉ: Thôn Ngãi Cầu, Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / Certificate of Analysis

Xuất bản / ref.: PPT26e132601-V63JHD5 Ngày / Date: 27/03/2026

Nơi / người gửi mẫu / Customer information
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ TH PHARMA
Số 81b đường Nguyễn Khang, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Thông tin mẫu thử nghiệm / Sample information: SP26e1326-01
Tên mẫu thử / name.: **Thực phẩm bổ sung DES CANCI**
Ngày sản xuất / mfg.: 09/03/2026
Hạn sử dụng / exp.: 09/03/2029
Nơi sản xuất / mfr.: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI KIM LỘC PHÁT**
Ngày tiếp nhận / receipt date.: 13/3/2026 Thời gian lưu mẫu / Storage time: Không có mẫu lưu
Ngày thử nghiệm / test date.: 13/3/2026 - 26/3/2026
Mô tả / desc.: Mẫu dạng lỏng, đóng trong lọ thủy tinh, 100ml/lọ, trên lọ dán thông tin mẫu

- Xem kết quả ở trang tiếp theo / See the results on the following page -

Ghi chú / Note:
KPH: Không phát hiện / Not detected.
LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.
LOQ: Giới hạn định lượng / Limit of quantification.
IRDOP: Chỉ tiêu được thực hiện tại IRDOP / Parameters conducted by IRDOP.
EX: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Parameters conducted by subcontractors.
VS: Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 / Accredited per ISO/IEC 17025:2017.
ĐĐC: Chỉ tiêu được công nhận đánh giá sự phù hợp theo ND 107/2016/NĐ-CP / Accredited per Decree 107/2016/ND-CP.
Thông tin mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp / Sample information provided by the customer.
Kết quả chỉ có giá trị với mẫu thử / The results are only valid for the tested sample(s).
Tên mẫu được thay đổi theo Công văn số: 01/KN (V/v: Đổi tên sản phẩm, Thay đổi thông tin thanh toán và xuất hóa đơn) ngày 23 tháng 3 năm 2026 của CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ TH PHARMA



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

/ Certificate of Analysis

Xuất bản / ref.: PPT26e132601-V63JHD5 Ngày / Date: 27/03/2026

STT / No.	Phép thử / Tests	Kết quả / Test result	Đơn vị / Unit	Phương pháp / Protocol	Phạm vi công nhận / Accreditation scope
1.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	KPH (LOD: 1)	CFU/ml	TCVN 4884-1:2015	IRDOP
2.	Coliforms	KPH (LOD: 1)	CFU/ml	TCVN 6848:2007	IRDOP
3.	Escherichia coli	KPH (LOD: 1)	CFU/ml	TCVN 7924-2:2008	IRDOP
4.	Clostridium perfringens	KPH (LOD: 1)	CFU/ml	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	IRDOP
5.	Tổng số nấm men và nấm mốc	KPH (LOD: 1)	CFU/ml	TCVN 8275-1:2010	IRDOP
6.	Chì (Pb)	KPH (LOD:0,006)	mg/kg	TCVN 8126:2009	IRDOP
7.	Thủy ngân (Hg)	KPH (LOD:0,004)	mg/kg	TCVN 7993:2009	IRDOP
8.	Cadmi (Cd)	KPH (LOD:0,0005)	mg/kg	TCVN 8126:2009	IRDOP
9.	Năng lượng	97,81	kcal/100ml	AOAC 971.10 AOAC 979.07	IRDOP
10.	Đạm tổng số	0,07	g/100ml	TCVN 8125:2015	IRDOP
11.	Chất béo toàn phần	0,09	g/100ml	HDPP33-KN	IRDOP
12.	Carbohydrate	24,18	g/100ml	10 TCN 514:2002	IRDOP
13.	Natri (Na)	20,96	mg/100g	HDPP392-KN (Ref: SMEWW 3111B: 2017, TCVN 9556-2:2013, TCVN 10916: 2015, TCVN 1537:2007)	IRDOP
14.	Đường tổng số	24,05	g/100ml	10 TCN 514:2002	IRDOP
15.	Canxi (Ca)	449,0	mg/100ml	HDPP392-KN (Ref: SMEWW 3111B: 2017, TCVN 9556-2:2013, TCVN 10916: 2015, TCVN 1537:2007)	IRDOP

TRƯỞNG PHÒNG KIỂM NGHIỆM
PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG / Quality Assurance Manager

Trần Thị Lan


 KT.VIÊN TRƯỞNG
PHÓ VIÊN TRƯỞNG / Vice President

Nguyễn Bá Xuân Trường
